

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4220**/BKHDĐT - QLQH
V/v hướng dẫn soạn thảo dự thảo
Quyết định của Thủ tướng Chính
phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh

Hà Nội, ngày **01** tháng **7** năm **2021**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, nhằm đảm bảo tính thống nhất trong công tác thẩm định và phê duyệt quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn soạn thảo dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

1. Về thể thức trình bày

Thể thức trình bày dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

2. Về nội dung

Nội dung của dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải đảm bảo được nguyên tắc và yêu cầu sau đây:

- Phải dựa trên cơ sở Báo cáo quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và đáp ứng được yêu cầu về quản lý nhà nước cũng như nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

- Phải phù hợp với các quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

- Nội dung chủ yếu của dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh vừa phải thể hiện được tính tổng hợp, khái quát cao và vừa phải đảm bảo ngắn gọn, đủ ý, rõ ràng, cụ thể, không trùng lặp và phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 3 của Luật Quy hoạch, đồng thời phải thể hiện rõ quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển và giải pháp thực hiện quy hoạch.

- Tùy tính chất, đặc điểm, đặc thù của từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mà nội dung trong dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh sẽ được nghiên cứu, xem xét để đưa vào cho phù hợp.

(Cụ thể theo Mẫu Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh tại Phụ lục đính kèm văn bản này).

Văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư chỉ mang tính hướng dẫn, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch tỉnh nghiên cứu những nội dung hướng dẫn trên để xem xét, triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, bảo đảm không trái với các quy định pháp luật hiện hành. Trong quá trình triển khai hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, hoàn chỉnh dự thảo quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng; Công Thương; Giao thông vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài nguyên và Môi trường; Ngoại giao; Quốc phòng, Công an; Giáo dục và Đào tạo; Khoa học và Công nghệ; Lao động - Thương binh và xã hội; Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế; Tư pháp; Nội vụ; Ủy ban dân tộc;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Vụ: KTCN; KTNN; KTDV; QLCKKT; KHGDTN&MT; L&DVHXH; KCHT&ĐT; KT&DP< PC.
- Lưu: VT, QLQH. TQA.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Trần Quốc Phương
Trần Quốc Phương



Phụ lục

MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH TỈNH
(Kèm theo Văn bản số 4220/BKHDĐT-QLQH ngày 01 tháng 7 năm 2021
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) *su*

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-TTg Hà Nội, ngày tháng năm 20 ...(1)

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh/thành phố...(2)...thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Pháp lệnh số 01/2018/QH14 ngày 22 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số... ngày... tháng... năm... của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh... thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm ...;

Theo đề nghị của(3).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tỉnh...(2) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu sau:

I. Phạm vi, ranh giới quy hoạch

II. Quan điểm, mục tiêu phát triển và các đột phá phát triển của tỉnh

1. Quan điểm phát triển (4).
2. Mục tiêu phát triển
 - a) Mục tiêu tổng quát (5).
 - b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể (6).
3. Các đột phá phát triển của tỉnh (7).

III. Phát triển ngành, lĩnh vực

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng của tỉnh (8).
2. Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội (9).
3. Phương án phát triển mạng lưới giao thông (10).
4. Phương án phát triển năng lượng và mạng lưới cấp điện (11).
5. Phương án phát triển mạng lưới viễn thông (12).
6. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước (13).
7. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải (14).
8. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (15).
9. Đảm bảo quốc phòng - an ninh (16).

IV. Phát triển không gian lãnh thổ

1. Phương án phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực (17).
2. Phương án phát triển các khu chức năng, cụm công nghiệp (18).
3. Phương án tổ chức hệ thống đô thị (19).
3. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn; phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; phân bố hệ thống các điểm dân cư nông thôn (20).
4. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện (21).

5. Phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai (22).

V. Bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn

1. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học (23).

2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên (24).

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra (25).

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu (26).

VI. Danh mục các chương trình, dự án và thứ tự ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh

Danh mục các chương trình, dự án và thứ tự ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh nêu tại Phụ lục đính kèm Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh (27).

VII. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư (28).

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực (29).

3. Giải pháp về bảo vệ môi trường (30).

4. Giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (31).

5. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển (32).

6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn (33).

7. Giải pháp nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý hành chính nhà nước (34).

8. Giải pháp khác (35).

VIII. Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch

Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch nêu tại Phụ lục đính kèm Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh (36).

Điều 2. Tổ chức thực hiện Quy hoạch (37).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký (Trường hợp lập quy hoạch mới) hoặc Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số (Trường hợp quy hoạch điều chỉnh).

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định (38)/.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, QHĐP (3b).

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Ghi chú:

- (1) Ngày, tháng, năm phê duyệt quy hoạch.
- (2) Tên tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.
- (3) Tên cơ quan trình phê duyệt quy hoạch.
- (4) Nêu các quan điểm phát triển: (i) Quan điểm về phát triển tỉnh. (ii) Quan điểm tổ chức, sắp xếp không gian các hoạt động kinh tế - xã hội. (iii) Quan điểm về quốc phòng, an ninh. (iv) Quan điểm về phát triển kết cấu hạ tầng. (v) Quan điểm về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường. (vi) Quan điểm khác.
- (5) Mục tiêu tổng quát phát triển tỉnh trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn từ 20 đến 30 năm.
- (6) Nêu một số mục tiêu, chỉ tiêu chính về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường gắn với tổ chức, sắp xếp không gian phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch:

Mục tiêu kinh tế: Tốc độ tăng GRDP bình quân; GRDP bình quân đầu người; chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tỷ lệ đô thị hóa; tổng vốn đầu tư xã hội bình quân đạt được;

mục tiêu một số ngành, lĩnh vực ưu tiên của tỉnh, trong đó có tỷ trọng các ngành, lĩnh vực ưu tiên trong tổng sản phẩm xã hội.

Mục tiêu xã hội: Dân số, mật độ dân số; tỷ lệ tăng dân số (chung, tự nhiên); tỷ lệ lao động đã qua đào tạo; phát triển giáo dục và đào tạo, trong đó chú ý: tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia (từ mầm non đến trung học phổ thông); số bác sỹ và số giường bệnh trên 10 nghìn dân; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi; giảm tỷ lệ hộ nghèo; tỷ lệ diện tích nhà ở bình quân.

Mục tiêu về kết cấu hạ tầng: Chất lượng hạ tầng giao thông, khả năng đáp ứng của vận tải công cộng; chất lượng hạ tầng thông tin và truyền thông qua phủ sóng di động, mật độ thuê bao internet; chất lượng cung ứng nước sạch và tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; lượng rác thải, nước thải được thu gom và xử lý.

Mục tiêu bảo vệ môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng; giảm lượng phát thải khí nhà kính; các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường; quản lý, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học.

Mục tiêu quốc phòng, an ninh: Xác định các yêu cầu và mục tiêu cần đạt được về quốc phòng, an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội...trong kỳ quy hoạch.

(7) Các đột phá phát triển của tỉnh (tóm tắt những nét chính và làm nổi bật tính đột phá, khác biệt của tỉnh trong giai đoạn quy hoạch).

(8) Nội dung bao gồm: (i) Các ngành quan trọng của tỉnh và mục tiêu phát triển. (ii) Không gian phát triển ngành quan trọng của tỉnh. (iii) Các giải pháp phát triển ngành quan trọng của tỉnh.

(9) Nội dung bao gồm: (i) Bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng, các vùng bảo tồn đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh. (ii) Phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh với hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia và vùng. (iii) Phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, xác định khu vực khuyến khích phát triển và khu vực hạn chế phát triển. (iv) Phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên huyện. (v) Phương án sắp xếp không gian phát triển và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh, liên huyện.

(10) Nội dung bao gồm: (i) Thể hiện các dự án kết cấu hạ tầng giao thông đã được quy hoạch ở cấp quốc gia; các dự án kết cấu hạ tầng giao thông cấp vùng, liên tỉnh được xác định ở quy hoạch vùng. (ii) Phương án phát triển mạng lưới giao thông đường bộ (Phương án phát triển các tuyến đường tỉnh, đường vành đai, một số đường trục chính trong đô thị, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp, ga đường sắt, cảng hàng không, cảng biển, cảng đường thủy; phương án kết nối các tuyến đường mạng lưới giao thông đường bộ của tỉnh với các kết cấu hạ tầng quốc gia và vùng trên địa bàn; phương án phát triển các tuyến đường liên huyện). (iii) Phương án phát triển các tuyến đường sắt trên địa bàn tỉnh, bao gồm nhà ga, tuyến đường sắt. (iv) Phương án phát triển giao thông đường thủy nội địa (phương án phát triển tuyến đường thủy nội địa, các bến, cảng đường thủy nội địa địa phương).

(11) Nội dung bao gồm: (i) Tổng hợp danh mục các nguồn năng lượng và các nguồn điện trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, quy hoạch vùng (đưa vào phụ lục). (ii) Liên kết lưới điện với các tỉnh lân cận; cân bằng cung cầu điện của tỉnh trong giai đoạn quy hoạch. (iii) Phát triển lưới điện 110 kV của tỉnh; phương án phát triển lưới điện trung áp sau các trạm 110 kV ở cấp độ liên huyện. (iv) Phương án cấp điện cho vùng sâu, vùng xa và hải đảo chưa được cấp điện từ lưới điện quốc gia; phương án cấp điện cho vùng sâu, vùng xa và hải đảo không được nối lưới.

(12) Xác định các dự án kết cấu hạ tầng viễn thông đã được quy hoạch ở cấp quốc gia, cấp vùng; phương án thay đổi, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các kết cấu hạ tầng thông tin, truyền thông, hạ tầng số và hoàn thiện mạng lưới viễn thông; phương án phát triển, cung cấp các dịch vụ thông tin, truyền thông cấp tỉnh và liên huyện.

(13) Nội dung bao gồm: (i) Xác định các công trình thủy lợi, điều tiết, khai thác, sử dụng nguồn nước đã được xác định trong quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi, quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch vùng và quy hoạch lưu vực sông trên địa bàn tỉnh (ii) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi liên huyện, gồm: (1) Phương án thủy lợi trên phạm vi lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi, hệ thống tưới và tiêu, bảo đảm tạo nguồn, tích trữ, cân đối, điều hòa, phân phối nguồn nước, giảm thiểu rủi ro hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, lũ, ngập lụt, úng, ô nhiễm, suy thoái nguồn nước và các thiên tai khác liên quan đến nước. (2) Danh mục công trình, dự án, thứ tự ưu tiên; đề xuất, kiến nghị rà soát để phục vụ điều chỉnh các quy hoạch có liên quan đến thủy lợi, phòng chống lũ, lụt và thiên tai do nước gây ra bảo đảm đồng bộ, thống nhất (đưa vào phần phụ lục). (iii) Phương án phát triển mạng lưới cấp nước liên huyện, gồm: (1) Các nguồn nước, phương án cấp nước cho các tiểu vùng; tỷ lệ, thứ tự ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước; nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt; hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước; các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước. (2) Phương án phát triển các nhà máy nước liên huyện, cấp nước cho các đô thị, khu vực nông thôn và các khu chức năng trên địa bàn (tên, địa điểm bố trí, dự kiến công suất, nguồn nước). (3) Phương án phát triển mạng lưới đường ống dẫn nước cấp độ liên huyện. (4) Các phương án đảm bảo sự kết nối giữa các công trình trong mạng lưới cấp nước trên địa bàn tỉnh.

(14) Nội dung bao gồm: (i) Khu vực bố trí các khu xử lý chất thải nguy hại cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn. (ii) Phương án phát triển các khu xử lý chất thải liên huyện, cụ thể: (1) Xác định vị trí, quy mô các điểm thu gom, trung chuyển, cơ sở xử lý và chôn lấp chất thải. (2) Phương thức thu gom, tuyến đường vận chuyển chất thải. (3) Các tiêu chí cần đạt được khi lựa chọn công nghệ xử lý chất thải. (4) Phương án bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong phát triển các khu xử lý chất thải.

(15) Nội dung bao gồm: (i) Các dự án hạ tầng xã hội cấp quốc gia, cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn. (ii) Phương án phát triển mạng lưới hạ tầng xã hội (loại hình, quy mô, địa điểm và không gian bố trí), bao gồm: Các thiết chế văn hóa, thể thao; du lịch; trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm; mạng lưới cơ sở y tế; mạng lưới giáo dục - đào tạo; mạng lưới cơ sở khoa học - công nghệ; mạng lưới cơ sở dạy nghề và bảo trợ xã hội.

(16) Nội dung gồm: (i) Khu quân sự: các vị trí, diện tích đất quốc phòng của các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng đang quản lý, sử dụng theo Điều 61 Luật Đất đai; hệ thống công trình quốc phòng và khu quân sự đang quản lý, bảo vệ và sử dụng theo Pháp lệnh Bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; các khu vực quy hoạch xây dựng công trình CT229 theo Quyết định số 1214/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ; theo Quyết định số 2412/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ; các khu kinh tế - quốc phòng được quy hoạch theo Quyết định số 1391/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2015 và Quyết định số 49/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch các khu kinh tế - quốc phòng; các quy hoạch sơ tán của các Bộ, ngành theo Quyết định số 1998/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ; các khu vực quốc phòng khác. (ii) Khu vực an ninh: Các khu vực liên quan đến an ninh trên đất liền, trên biển và đảo thuộc phạm vi ranh giới tỉnh, bao gồm: Khu vực doanh trại, trụ sở đóng quân, khu vực bảo vệ an ninh; nhà khách, nhà công vụ của lực lượng công an; đất Chính phủ giao Bộ Công an sử dụng để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở giam, giữ, huấn luyện, đào tạo, đất kết hợp nhiệm vụ an ninh và hoạt động kinh tế; các khu vực an ninh khác.

(17) Nội dung bao gồm: (i) Phương án đầu tư phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn (các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh, bao gồm: các xã vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc có trình độ dân trí và mức sống thấp so với mức bình quân chung của tỉnh; định hướng phát triển kinh tế các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn gắn với giải quyết vấn đề an sinh xã hội, thoát nghèo bền vững, từng bước nâng cao dân trí, thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống với các vùng khác của tỉnh; phương án kết nối, liên kết giữa các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với các khu vực có vai trò động lực của tỉnh). (ii) Phương án phát triển các khu vực có vai trò động lực của tỉnh (các khu vực có vai trò động lực của tỉnh, bao gồm: các trung tâm đô thị, vùng công nghiệp tập trung, khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu; định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển các khu đô thị mới, phát triển các cơ sở công nghiệp tại các khu vực có vai trò động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của toàn tỉnh; phương án bảo vệ môi trường và phát triển bền vững các khu vực có vai trò động lực của tỉnh).

(18) Nội dung bao gồm: (i) Hệ thống khu kinh tế; khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao; khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn. (ii) Phương án phát triển các cụm công nghiệp (tên, quy mô, phạm vi, không gian bố trí); Phương án gắn kết với hạ tầng kỹ thuật: giao thông, cấp điện, thông tin và truyền thông, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, thu gom chất thải rắn và gắn kết với hệ thống hạ tầng xã hội tại các khu chức năng, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

(19) Nội dung bao gồm: (i) Đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh. (ii) Xác định mô hình, cấu trúc và định hướng hệ thống đô thị (Tên, loại, quy mô, tính chất, phạm vi không gian của từng đô thị); phương án phát triển đô thị tinh lý và các thành phố, thị xã, thị trấn. (iii) Phương án gắn kết với hạ tầng kỹ thuật: giao thông, cấp điện, thông tin và truyền thông, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, thu gom chất thải rắn và gắn kết với hệ thống hạ tầng xã hội tại các đô thị.

(20) Nội dung bao gồm: (i) Quy mô và định hướng phân bố hệ thống các điểm dân cư. (ii) Dự kiến tái tổ chức lãnh thổ nông thôn gắn với các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, nâng cấp mô hình làng, xã, bản, ấp. (iii) Xây dựng các khu dân cư nông thôn mới, các khu vực tái định cư (quy mô, khu vực, địa điểm bố trí). (iv) Bố trí gắn kết với hạ tầng kỹ thuật: giao thông, cấp điện, thông tin và truyền thông, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, thu gom chất thải rắn và gắn kết với hệ thống hạ tầng xã hội tại các khu vực sản xuất và khu dân cư nông thôn.

(21) Nội dung bao gồm: (i) Phạm vi, tính chất, hướng phát triển trọng tâm của từng vùng liên huyện, vùng huyện. (ii) Hệ thống các thị trấn, trung tâm cụm xã theo nhu cầu phân bố sản xuất và phân bố dân cư tại từng vùng liên huyện, vùng huyện. (iii) Định hướng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo từng vùng liên huyện, vùng huyện.

(22) Nội dung theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch. Các chỉ tiêu cụ thể của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh đưa vào phần Phụ lục ban hành kèm Quyết định phê duyệt.

(23) Nội dung gồm: (i) Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng thể hiện trên địa bàn tỉnh. (ii) Về môi trường: xác định các vùng bảo vệ môi trường nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh; các trạm, điểm quan trắc môi trường được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh đã được xác định ở quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia, quy hoạch vùng; mục tiêu, yêu cầu về thu gom và xử lý nước thải; ngăn ngừa nguy cơ ô nhiễm môi trường (đất, nước, không khí). (iii) Về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: Xác định cụ thể địa điểm, diện tích các khu vực đa dạng sinh học cao như vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh. (iv) Về bảo vệ và phát triển rừng: xác định tỉ lệ che phủ rừng của tỉnh vào năm 2030; diện tích rừng phải bảo vệ, giao khoán bảo vệ, diện tích đất lâm nghiệp giao khoán trồng rừng theo các chương trình mục tiêu quốc gia; mục tiêu, yêu cầu về xây dựng đường lâm nghiệp, xây dựng công trình kiểm soát, bảo vệ rừng và các công trình phòng chống cháy rừng. (v) Chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, quản lý và phát triển rừng đưa vào Phụ lục kèm theo Quyết định phê duyệt. (vi) Phân bố các khu nghĩa trang liên huyện (Khu nghĩa trang quốc gia, nghĩa trang cấp vùng trên địa bàn tỉnh đã xác định ở quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, quy hoạch vùng (nếu có); xác định các hình thức công nghệ táng phù hợp với điều kiện tự nhiên, phong tục tập quán, yêu cầu bảo vệ môi trường và khả năng khai thác quỹ đất của địa phương; xác định vị trí, quy mô diện tích các khu nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ cấp tỉnh và liên huyện trên địa bàn tỉnh được xây dựng trong thời kỳ quy hoạch).

(24) Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên gồm: (i) Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng thể hiện trên địa bàn tỉnh. (ii) Phân vùng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên trên địa bàn tỉnh. (iii) Xác định các khu vực cấm hoạt động khoáng sản và khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh. (iv) Khoanh định chi tiết khu vực mỏ, loại tài nguyên khoáng sản cần đầu tư thăm dò, khai thác và tiến độ thăm

dò, khai thác; khu vực thăm dò khai thác được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ địa hình hệ tọa độ quốc gia với tỷ lệ thích hợp; xác định các loại tài nguyên khoáng sản được phép khai thác, quy mô công suất khai thác, định hướng mục tiêu sản phẩm chế biến và sử dụng, yêu cầu về công nghệ khai thác, chế biến. (v) Yêu cầu về việc ngăn ngừa nguy cơ suy thoái, ô nhiễm môi trường và phục hồi môi trường trong và sau khi khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản.

(25) Nội dung gồm: (i) Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng thể hiện trên địa bàn tỉnh. (ii) Phân vùng chức năng của nguồn nước; xác định tỷ lệ, thứ tự ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước; xác định nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt, sản xuất; xác định hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước; xác định công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước. (iii) Xác định các giải pháp bảo vệ nguồn nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm hoặc bị suy thoái, cạn kiệt để bảo đảm chức năng của nguồn nước; xác định hệ thống giám sát chất lượng nước, giám sát xả nước thải vào nguồn nước. (iv) Đánh giá tổng quát hiệu quả và tác động của biện pháp phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra và xác định các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động phòng, chống, khắc phục, cảnh báo, dự báo và giảm thiểu tác hại do nước gây ra thuộc phạm vi, tính chất liên huyện.

(26) Nội dung gồm: (i) Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng thể hiện trên địa bàn tỉnh. (ii) Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc phạm vi liên huyện, gồm: Phân vùng rủi ro đối với từng loại hình thiên tai trên địa bàn; xây dựng nguyên tắc và cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý rủi ro thiên tai; xây dựng phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh; xây dựng phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

(27) Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên cấp quốc gia, cấp vùng trên địa bàn tỉnh; các chương trình, dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên triển khai thực hiện đưa vào phần Phụ lục ban hành kèm Quyết định phê duyệt.

(28) Nêu tóm tắt, ngắn gọn, đủ ý, rõ ràng, tập trung vào một số nội dung: (i) Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển của tỉnh thời kỳ 2021-2030. (ii) Khả năng đáp ứng của tỉnh về vốn đầu tư phát triển, bao gồm: vốn ngân sách, vốn từ đất, vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước. (iii) Xác định các giải pháp cụ thể để huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển.

(29) Nêu tóm tắt, ngắn gọn, đủ ý, rõ ràng, tập trung vào một số nội dung: (i) Đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ, công chức các ngành, các cấp của tỉnh. (ii) Cơ chế, chính sách thu hút và đãi ngộ nhân tài, chuyên gia kỹ thuật chất lượng cao về tỉnh làm việc. (iii) Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tự đào tạo đội ngũ lao động để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. (iv) Thu hút các dự án đầu tư xây dựng cơ sở đào tạo chất lượng cao tại tỉnh.

(30) Nêu tóm tắt, ngắn gọn, đủ ý, rõ ràng, tập trung vào một số nội dung: (i) Đẩy mạnh công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. (ii)

Tăng cường công tác thẩm định điều kiện bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư; thực hiện nghiêm túc và hiệu quả công tác giám sát môi trường. (iii) Phát triển các nguồn năng lượng sạch, khuyến khích các cơ sở sản xuất đổi mới công nghệ thân thiện với môi trường. (iv) Tăng cường hoạt động truyền thông nâng cao ý thức của người dân trong bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

(31) Nêu tóm tắt, ngắn gọn, đủ ý, rõ ràng, tập trung vào một số nội dung: (i) Giải quyết những vấn đề khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo do thực tiễn đặt ra; khuyến khích các doanh nghiệp tập trung đầu tư cải tiến công nghệ sản xuất, thay thế dần các thiết bị lạc hậu, đồng bộ hóa công nghệ sản xuất. (ii) Chuyển từ sản xuất, xuất khẩu sản phẩm thô sang chế biến, xuất khẩu sản phẩm tinh, sản xuất hàng thay thế nhập khẩu; hỗ trợ các công trình nghiên cứu ứng dụng chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp. (iii) Kết hợp đổi mới công nghệ và bảo vệ môi trường.

(32) Nêu tóm tắt, ngắn gọn, đủ ý, rõ ràng, tập trung vào một số nội dung: (i) Xây dựng cơ chế hợp tác toàn diện với các tỉnh, thành phố trong vùng và các trung tâm kinh tế lớn trong nước. (ii) Xác định các ngành, lĩnh vực cần ưu tiên hợp tác, liên kết.

(33) Nêu tóm tắt, ngắn gọn, đủ ý, rõ ràng, tập trung vào một số nội dung: (i) Tăng cường quản lý quy hoạch và trật tự xây dựng; chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai, giá đất, hoạt động kinh doanh bất động sản. (ii) Kiểm soát chặt chẽ tốc độ gia tăng dân số đô thị, xây dựng lộ trình mở rộng ranh giới các đô thị, nâng hạng đô thị; đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung thống nhất.

(34) Nêu tóm tắt, ngắn gọn, đủ ý, rõ ràng, tập trung vào một số nội dung: (i) Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành; tiếp tục phân cấp mạnh mẽ cho cấp dưới đi đôi với nâng cao trách nhiệm người đứng đầu và tăng cường năng lực bộ máy chính quyền cơ sở. (ii) Hoàn thiện thể chế; tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ công chức ở các cơ quan hành chính nhà nước, bảo đảm tính chuyên nghiệp cao.

(35) Nêu tóm tắt, ngắn gọn, đủ ý, rõ ràng, có trọng tâm, trọng điểm.

(36) Đảm bảo đầy đủ theo quy định và đưa vào Phụ lục.

(37) Phân công trách nhiệm cho các cơ quan, tổ chức theo chức năng, nhiệm vụ được giao để tổ chức thực hiện quy hoạch, gồm: (i) Công bố quy hoạch. (ii) Cung cấp hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch (được quy định tại Điều 35 Luật Quy hoạch) đã hoàn thiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư sau khi được Thủ tướng Chính phủ có Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh; dữ liệu có liên quan thuộc phạm vi quản lý để cập nhật vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch. (iii) Xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch. (iv) Ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch; cụ thể hóa các mục tiêu quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm, kế hoạch sử dụng đất để thực hiện và đánh giá thực hiện quy hoạch. (v) Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh, bổ sung kịp thời đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng thời kỳ. (vi) Các cấp, các ngành, các địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện quy hoạch. (vii) Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc điều chỉnh,

bổ sung quy hoạch kịp thời, đảm bảo quy hoạch tỉnh phù hợp với quy hoạch vùng, quy hoạch cấp quốc gia, phù hợp với tình hình phát triển của tỉnh và cả nước trong từng giai đoạn quy hoạch. (viii) Tổ chức và thực hiện việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện quy hoạch. Đẩy nhanh đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và có vai trò quan trọng, động lực đối với sự phát triển của tỉnh ... đã được quyết định đầu tư.

(38) Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố..., Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.